

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo : Y sỹ đa khoa

Mã ngành : 6720101

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Hình thức đào tạo : Chính quy

Hải Phòng

Số: **89** /QĐ-CDY

Hải Phòng, ngày **03** tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo ngành Y sỹ đa khoa, trình độ Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 1279/BGDĐT ngày 24/3/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng trên cơ sở Trường Trung học Y tế Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Y sỹ đa khoa, trình độ Cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - NCKH & HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Y sỹ đa khoa, trình độ Cao đẳng của trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng

(Có chương trình đào tạo kèm theo)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 được thực hiện từ năm học 2024-2025.

Điều 3. Các đơn vị trực thuộc Trường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT-NCKH&HTQT.



TS. Đào Văn Tùng





MỤC LỤC

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Trang
	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	01
MH 1	Giáo dục chính trị	08
MH 2	Pháp luật	15
MH 3	Giáo dục thể chất	20
MH 4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	26
MH 5	Tin học	38
MH 6	Tiếng Anh	47
MĐ 7	Mô đun: Cấu tạo và chức năng cơ thể người	58
MĐ 8	Mô đun: Đại cương sự hình thành bệnh tật và phục hồi	84
MH 9	Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	111
MH 10	TTLS Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	129
MH 11	Tâm lý - Y đức - Tổ chức y tế	139
MĐ 12	Giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	146
MH 13	Sức khỏe - Môi trường và Vệ sinh	158
MH 14	Bệnh học Nội khoa 1	168
MH 15	Bệnh học Nội khoa 2	180
MH 16	Bệnh học Ngoại khoa	192
MH 17	TTLS Bệnh học Nội khoa 1	212
MH 18	TTLS Bệnh học Nội khoa 2	218
MH 19	TTLS Bệnh học Ngoại khoa	224
MH 20	Bệnh học Sản – phụ khoa	234
MH 21	TTLS Bệnh học Sản – phụ khoa	252



MH 22	Bệnh học Nhi	262
MH 23	TTLS Bệnh học Nhi	280
MH 24	Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	291
MH 25	TTLS Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	300
MH 26	Thống kê y học - nghiên cứu khoa học	304
MĐ 27	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	311
MĐ 28	TTLS Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	328
MH 29	Y tế cộng đồng	335
MH 30	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	342
MH 31	TTLS Bệnh truyền nhiễm, xã hội	353
MH 32	Thực tập tốt nghiệp	362
MH 33	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	369
MH 34	Tiếng Anh chuyên ngành Y	370
MH 35	Bệnh chuyên khoa	382
MH 36	TTLS Bệnh chuyên khoa	401



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 89 /QĐ-CDY ngày 03 tháng 5 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng y tế Hải Phòng)

Ngành đào tạo : Y sỹ đa khoa
Mã số : 6720101
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT
Thời gian đào tạo : 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề khám chữa bệnh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đào tạo Y sỹ đa khoa có đủ y đức, có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 2 khung năng lực châu Âu, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

CĐR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc sức khỏe.

CĐR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác một số/các bệnh lý thông thường ở tuyến Y tế cơ sở.

CĐR3. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, nhiệm vụ ở tuyến Y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

CĐR4. Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

CĐR5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, gia đình và cộng đồng.

CĐR6. Tham gia quản lý công tác điều trị chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác ở tuyến Y tế cơ sở để điều trị, chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

CĐR7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong điều trị, chăm sóc người bệnh.

CĐR8. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

CĐR9. Đạt chuẩn trình độ tin học, ngoại ngữ theo quy định và tham khảo được tài liệu chuyên ngành để áp dụng học tập, chăm sóc và điều trị người bệnh.

Để đạt được chuẩn đầu ra, sinh viên cần:

1.2.1. Về kiến thức:

- *Khối kiến thức chung*

- + Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.
 - + Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong phục vụ người bệnh và nghiên cứu khoa học.
 - + Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.
 - + Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.
 - *Kiến thức chung theo lĩnh vực*
 - + Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.
 - + Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.
 - + Tiếp cận được với các kiến thức sinh học và kỹ thuật y được hiện đại.
 - *Kiến thức chung của khối ngành*
 - + Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.
 - + Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý – xã hội.
 - *Kiến thức chung của nhóm ngành và ngành*
 - + Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.
 - + Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.
 - + Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.
 - + Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.
 - + Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.
 - *Kiến thức thực tập và tốt nghiệp*
 - Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe tại Bệnh viện và cộng đồng trước khi trở thành người cán bộ y tế.
- 1.2.2. Về kỹ năng**
- Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)
- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề
 - + Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.
 - + Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.
 - + Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.
 - + Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp.
 - Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề
 - + Xây dựng được giả thuyết về sức khỏe và bệnh tật.
 - + Đánh giá, phân tích được vấn đề sức khỏe.
 - + Đề xuất giải pháp và giải quyết được các vấn đề sức khỏe.
 - Kỹ năng nghiên cứu và khám phá
 - + Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.
 - + Có kỹ năng thu thập thông tin.
 - + Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.
 - + Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.

- Kỹ năng tư duy theo hệ thống
- + Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế - xã hội.
- + Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- + Phân tích được sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.
- + Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.
- Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
- + Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của Y sĩ đa khoa đối với xã hội.
- + Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về ngành y và Y sĩ đa khoa.
- + Đánh giá sự phát triển và các vấn đề sức khỏe toàn cầu đến nghề nghiệp.
- Bối cảnh tổ chức
- + Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.
- + Xây dựng được kế hoạch và phát triển đơn vị.
- + Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.
- Vận dụng kiến thức vào thực tiễn
- + Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.
- + Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.
- + Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.
- Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.
- + Cải tiến các kỹ thuật chăm sóc, điều trị.
- + Cập nhật được các tiên bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.
- + Có năng lực làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.

Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tự chủ
- + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
- + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
- + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
- + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
- Kỹ năng làm việc nhóm
- + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.
- + Liên kết được các nhóm.
- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo
- + Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.
- + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.
- + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.
- Giao tiếp
- + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.
- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông.
- + Khả năng thuyết trình lưu loát.
- + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...
- Đạt chuẩn trình độ tin học, ngoại ngữ theo quy định và tham khảo được tài liệu chuyên ngành để áp dụng học tập, chăm sóc và điều trị người bệnh.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc và các vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tuân thủ các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
- Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng, người học có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, tham gia nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

- Tại đơn vị khám, chữa bệnh tuyến cơ sở công lập và tư nhân, trạm y tế xã phường.
- Làm công tác chuyên môn Y tế trường học, Y tế cơ quan...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học/mô đun: 36 (32 môn học/mô đun bắt buộc, 4 môn học/mô đun tự chọn)
- Tổng số 103 tín chỉ, trong đó môn học/mô đun bắt buộc: 98 tín chỉ, môn học/mô đun tự chọn: 5 tín chỉ.
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2723 giờ (tính cả 135t môn học tự chọn)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở: 445 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn ngành, nghề: 1708 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 842 giờ (771 giờ môn học bắt buộc + 71 giờ 2 môn học tự chọn); Thực hành, thực tập, bài tập thảo luận: 1757 giờ; Kiểm tra: 152 giờ.
- Thời gian khóa học: 36 tháng

3. Nội dung chương trình

Mã MH/MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH4	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4
MH5	Tin học	3	75	15	58	2
MH6	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học/mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học/mô đun cơ sở	22	445	246	172	27
MD7	<i>Mô đun: Cấu tạo và chức năng cơ thể người</i>	6	102	74	24	4
	Hóa - Hóa sinh		28	20	8	
	Sinh học và Di truyền		16	16		
	Giải phẫu - Sinh lý		52	30	20	2
	Lý sinh		8	8		
MD8	<i>Mô đun: Đại cương sự hình thành bệnh tật và phục hồi</i>	5	88	74	12	2
	Sinh lý bệnh- Miễn dịch		24	20	4	

	Vi sinh - Ký sinh trùng		16	12	4	
	Dược lý		30	26	4	
	Dinh dưỡng - Tiết chế		16	16		
MH9	Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	3	60	27	28	5
MH10	TTLS Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	2	90	0	80	10
MH11	Tâm lý - Ý thức - Tổ chức y tế	2	30	28	0	2
MĐ12	Giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	2	45	15	28	2
MH13	Sức khỏe - Môi trường và Vệ sinh	2	30	28	0	2
II.2	Môn học/mô đun chuyên môn	56	1708	368	1245	95
MH14	Bệnh học Nội khoa 1	3	57	43	12	2
MH15	Bệnh học Nội khoa 2	3	53	43	8	2
MH16	Bệnh học Ngoại khoa	4	60	58	0	2
MH17	TTLS Bệnh học Nội khoa 1	3	123	0	113	10
MH18	TTLS Bệnh học Nội khoa 2	3	127	0	117	10
MH19	TTLS Bệnh học Ngoại khoa	3	135	0	125	10
MH20	Bệnh học Sản – phụ khoa	4	67	45	20	2
MH21	TTLS Bệnh học Sản – phụ khoa	3	135	0	125	10
MH22	Bệnh học Nhi	3	45	43	0	2
MH23	TTLS Bệnh học Nhi	3	135	0	125	10
MH24	Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	2	45	15	28	2
MH25	TTLS Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	2	90	0	85	5
MH26	Thống kê y học - nghiên cứu khoa học	2	30	28	0	2
MĐ27	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	2	36	22	12	2
MĐ28	TTLS Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng	2	90	0	85	5
MH29	Y tế cộng đồng	3	75	28	45	2
MH30	Bệnh truyền nhiễm, xã hội	3	45	43	0	2
MH31	TTLS Bệnh truyền nhiễm, xã hội	2	90	0	85	5
MĐ32	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	260	10
	Tổng cộng môn học/mô đun bắt buộc	98	2588	771	1672	145
II.3	Môn học/mô đun tự chọn (chọn 1 trong 2 nhóm môn)	10	210	114	85	11
	Nhóm 1					
MH33	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	3	45	43	0	2
MH34	Tiếng Anh chuyên ngành Y	2	30	28	0	2
	Nhóm 2					
MH35	Bệnh chuyên khoa	3	45	43	0	2
MH36	TTLS Bệnh chuyên khoa	2	90	0	85	5
	Tổng	108	2796	891	1749	156

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung

Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các bộ/ngành xây dựng, nhà trường đã ban hành chương trình chi tiết các môn học chung theo đúng quy định.

4.2. Nội dung và thời gian cho các hoạt động

4.2.1. Quy định tín chỉ học tập

Mỗi tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, tích hợp hoặc bằng 45 giờ thực tập lâm sàng. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình.

1 giờ học lý thuyết trên lớp là 45 phút

1 giờ học thực hành là 60 phút

1 giờ học tích hợp là 60 phút

4.2.2. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ I	Số TC	Học kỳ II	Số TC
Pháp luật	2	Giáo dục chính trị	4
Cấu tạo và chức năng cơ thể người	6	Tâm lý - Y đức - Tổ chức y tế	2
Đại cương sự hình thành bệnh tật và phục hồi	5	TTLS Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	2
Điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng	3	Sức khỏe - Môi trường và Vệ sinh	2
Giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	2	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
		Tin học	3
Tổng	18	Tổng	17
Học kỳ III	Số TC	Học kỳ IV	Số TC
Bệnh học Nội khoa 1	3	Bệnh học Ngoại khoa	4
TTLS Bệnh học Nội khoa 1	3	TTLS Bệnh học Ngoại khoa	3
Bệnh học Nội khoa 2	3	Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	2
TTLS Bệnh học Nội khoa 2	3	TTLS Cấp cứu - Cấp cứu ngoại viện	2
Bệnh truyền nhiễm, xã hội	3	Thống kê y học - nghiên cứu khoa học	2
TTLS Bệnh truyền nhiễm, xã hội	2	Tiếng Anh	5
Tổng	17	Tổng	18
Học kỳ V	Số TC	Học kỳ VI	Số TC
Bệnh học Sản – phụ khoa	4	TTLS Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	2
TTLS Bệnh học Sản – phụ khoa	3		
Bệnh học Nhi	3		
TTLS Bệnh học Nhi	3	Y tế cộng đồng	3
Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	2	Tự chọn	5
Giáo dục thể chất	2	Thực tập tốt nghiệp	6
Tổng	17	Tổng	16

Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/mô đun của các học kỳ sao cho đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn cơ sở/mô đun cơ sở rồi mới học các môn học/mô đun, học lý thuyết tại trường rồi mới thực tập lâm sàng tại cơ sở y tế.

4.2.3. Tổ chức đào tạo

- Tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ theo hướng dẫn của thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Tổ chức thi/kiểm tra hết môn học/mô đun: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và được cụ thể hoá trong nội dung chi tiết từng môn học và quy chế đào tạo.
- Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp: Áp dụng Quy định xét công nhận tốt nghiệp theo thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, cụ thể: Người học phải tích lũy đủ số mô-đun, tín chỉ quy định của chương trình; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên; hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình; không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.
- Hiệu trưởng căn cứ kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng danh hiệu Cử nhân thực hành trình độ Cao đẳng chuyên ngành Y sỹ đa khoa.

4.2.4. Các phương pháp dạy-học chính:

- Áp dụng các phương pháp dạy-học tích cực, lấy người học làm trung tâm như thảo luận nhóm, bài tập tình huống, thảo luận ca lâm sàng, giải quyết vấn đề, bài tập nhóm, thực hành dựa vào bằng chứng.
- Tăng cường phương tiện nghe nhìn, phương tiện dạy học tích cực, đổi mới chương trình dạy học và phương pháp dạy-học.
- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện truy cập thông tin đáp ứng điều kiện tự học của sinh viên.

4.2.5. Điều kiện thực hiện chương trình

- Tổ chức học lý thuyết tại giảng đường hoặc tổ chức học trực tuyến.
- Tổ chức học thực hành tại phòng thực hành có đủ trang thiết bị, mô hình theo yêu cầu của từng môn học.
- Tổ chức thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế đã công bố đủ điều kiện là cơ sở thực hành, có ký hợp đồng phối hợp đào tạo thực hành giữa cơ sở giáo dục và cơ sở thực hành theo nghị định 111/2017/NĐ-CP của Chính phủ.
- Giảng viên đạt tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và có đủ kinh nghiệm giảng dạy.

